

**QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
NĂM 2017) LIÊN QUAN ĐẾN TỘI RỬA TIỀN VÀ TỘI TÀI TRỢ
KHỦNG BỐ NHẪM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA HỘI NHẬP QUỐC TẾ
VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN**

*Nguyễn Văn Hoàn
Nguyên Phó Vụ trưởng Vụ Pháp luật
hành sự - hành chính, Bộ Tư Pháp*

**I. KHÁI LƯỢC VỀ NGUY CƠ, TÁC HẠI CỦA RỬA TIỀN VÀ
YÊU CẦU HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG ĐẤU TRANH PHÒNG,
CHỐNG RỬA TIỀN**

Cho đến nay chưa có con số cụ thể phản ánh thực chất về quy mô và tính chất nghiêm trọng của tội phạm rửa tiền ở Việt Nam. Mặc dù vậy, với nền kinh tế giao dịch chủ yếu bằng tiền mặt, nếu không có một cơ chế kiểm soát thu nhập hiệu quả thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho tội phạm rửa tiền phát triển. Bên cạnh đó, với chính sách cởi mở thu hút vốn đầu tư, nhất là đầu tư nước ngoài và với sự ổn định về chính trị, Việt Nam là một trong những nước có môi trường đầu tư thuận lợi, thu hút số lượng lớn vốn đầu tư nước ngoài. Cùng với đó, số lượng người nước ngoài vào Việt Nam để thực hiện các dự án đầu tư, kinh doanh, làm ăn với các đối tác Việt Nam hoặc tham quan, du lịch cũng ngày càng tăng lên. Đây là dấu hiệu tốt đối với sự phát triển kinh tế của đất nước, nhưng cũng tiềm ẩn nguy cơ bọn tội phạm rửa tiền lợi dụng cơ hội này để “làm ăn”. Điều này càng góp phần làm tăng nguy cơ rửa tiền ở Việt Nam.

Để có thể được hưởng các lợi ích do phạm tội mà có, bọn tội phạm luôn tìm cách để biến những khoản lợi đó thành những tài sản có vẻ ngoài hợp pháp. Điều đó được thực hiện thông qua hoạt động rửa tiền - tức là thực hiện một loạt các giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc các giao dịch khác nhằm che giấu hoặc che đậy nguồn gốc, bản chất bất hợp pháp cũng như con đường luân chuyển của các tài sản do phạm tội mà có để tạo ra vỏ bọc bên ngoài có vẻ hợp pháp cho các tài sản đó.

Thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền cho thấy, rửa tiền có thể gây ảnh hưởng xấu và làm xói mòn tính liêm chính của các hệ thống chính trị và tư pháp cũng như làm giảm sút sự ổn định của các khu vực tài chính quốc gia hoặc quốc tế, có thể chi phối hoạt động của các doanh nghiệp và thị trường hợp pháp, can thiệp vào chính sách kinh tế, làm rối loạn các điều kiện thị trường và cuối cùng sẽ gây ra những nguy cơ mang tính hệ thống nghiêm trọng. Tiền, tài sản đã được “rửa” có thể được sử dụng để tài trợ cho các hoạt động phạm tội, trong đó có hoạt động tài trợ cho khủng bố. Chính vì vậy, việc tăng

cường và nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống rửa tiền nói chung và tội phạm rửa tiền nói riêng là yêu cầu bức thiết của cuộc sống.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, rửa tiền không còn trong phạm vi của một quốc gia mà nó đã trở thành một loại tội phạm nguy hiểm mang tính quốc tế. Những kẻ phạm tội đã lợi dụng ưu điểm của sự dễ dàng trong luân chuyển vốn, những tiến bộ về công nghệ và sự luân chuyển của hàng hoá và con người ngày càng tăng, cũng như sự khác biệt đáng kể trong hệ thống pháp luật của các quốc gia khác nhau để thực hiện hành vi rửa tiền, tức là, tạo ra cái vỏ bọc bên ngoài có vẻ hợp pháp cho tiền, tài sản có được từ việc phạm tội. Vì vậy, đấu tranh chống rửa tiền đòi hỏi phải có sự hợp tác chặt chẽ giữa các quốc gia.

40 Khuyến nghị về chống rửa tiền và 9 Khuyến nghị đặc biệt về chống tài trợ khủng bố của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF)¹ đã được cộng đồng quốc tế ghi nhận như là công cụ hữu hiệu trong đấu tranh phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

II. YÊU CẦU HÌNH SỰ HÓA HÀNH VI RỬA TIỀN VÀ HÀNH VI TÀI TRỢ KHỦNG BỐ THEO CÁC KHUYẾN NGHỊ CỦA FATF

Trong số 40 Khuyến nghị về chống rửa tiền và 9 Khuyến nghị đặc biệt về chống tài trợ khủng bố của FATF có 03 Khuyến nghị (*Khuyến nghị 1, Khuyến nghị 2 và Khuyến nghị đặc biệt II*) có nội dung liên quan đến hình sự hóa các hành vi rửa tiền và tài trợ khủng bố.

Thứ nhất, Khuyến nghị 1 về chống rửa tiền của FATF yêu cầu các quốc gia phải hình sự hóa hành vi rửa tiền trên cơ sở Công ước của Liên Hợp Quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và các chất hướng thần năm 1988 (*Công ước Viên*)² và Công ước của Liên Hợp Quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (*Công ước Palermo*)³.

Theo Điều 3 của Công ước Viên và Điều 6 của Công ước Palermo nêu trên thì các nước cần phải hình sự hóa 04 nhóm hành vi rửa tiền sau đây khi chúng được thực hiện một cách cố ý:

- Nhóm 1 gồm hành vi chuyển đổi hoặc chuyển nhượng tài sản mà biết rõ là do phạm tội mà có, với mục đích che giấu hoặc nguy trang nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản hoặc giúp đỡ bất kỳ người nào liên quan đến việc thực

¹ Đây là tổ chức liên chính phủ được thành lập tại Hội nghị thượng đỉnh của nhóm G7, ở Paris, vào năm 1989, có chức năng đưa ra các tiêu chuẩn, xây dựng và phát triển các chính sách chống rửa tiền và tài trợ khủng bố.

² Việt Nam tham gia Công ước này ngày 01/9/1997 theo Quyết định số 798/QĐ-CTN ngày 01/09/1997 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam.

³ Việt Nam phê chuẩn Công ước này ngày 29/12/2011 theo Quyết định số 2549/2011/QĐ-CTN ngày 29/12/2011 của Chủ tịch nước CHXHCN Việt Nam.

hiện một tội phạm nguồn lẫn tránh những hậu quả pháp lý do hành vi của người đó gây ra;

- Nhóm 2 gồm hành vi che giấu hoặc nguy trang bất cứ khía cạnh thông tin nào về tài sản như: bản chất thực sự, nguồn gốc, địa điểm, sự di chuyển hoặc quyền sở hữu hay các quyền khác đối với tài sản, mà biết rằng tài sản đó là do phạm tội mà có;

- Nhóm 3 gồm hành vi có được, sở hữu hoặc sử dụng tài sản mà vào thời điểm nhận nó, biết rằng tài sản này là do phạm tội mà có;

- Nhóm 4 gồm hành vi tham gia, phối hợp hay thông đồng thực hiện tội phạm; phạm tội chưa đạt; hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện bất kỳ hành vi phạm tội nào được nêu ở trên.

*Thứ hai, **Khuyến nghị 2 về chống rửa tiền*** của FATF yêu cầu các nước cần phải bảo đảm rằng, trách nhiệm hình sự, và khi điều này không thể, thì trách nhiệm dân sự hoặc hành chính cần phải áp dụng đối với pháp nhân. Quy định này không loại trừ các thủ tục tố tụng hình sự, dân sự hoặc hành chính được tiến hành song song đối với pháp nhân ở các nước mà các hình thức trách nhiệm này có hiệu lực. Pháp nhân phải chịu các chế tài tương xứng, có hiệu quả và có tính chất răn đe. Các biện pháp này sẽ không làm ảnh hưởng đến trách nhiệm hình sự của cá nhân.

*Thứ ba, **Khuyến nghị đặc biệt II về chống tài trợ khủng bố*** của FATF yêu cầu tội tài trợ khủng bố cần phải bao quát:

- Bất cứ người nào cố ý cung cấp hoặc quyên góp ngân quỹ bằng bất kỳ cách thức nào, trực tiếp hoặc gián tiếp với ý định bất hợp pháp mà ngân quỹ này được sử dụng hoặc có ý định sẽ được sử dụng toàn bộ hay một phần cho việc tiến hành các hành vi khủng bố hoặc để cho tổ chức khủng bố hay người khủng bố sử dụng.

- Bất cứ ngân quỹ nào từ nguồn hợp pháp hay bất hợp pháp. Tội phạm này không đòi hỏi các ngân quỹ phải thực tế đã được sử dụng để thực hiện hoặc thực hiện chưa đạt hành vi khủng bố hoặc được liên kết với một hành vi khủng bố cụ thể.

Với tư cách là thành viên của Nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG)⁴, Việt Nam có nghĩa vụ tuân thủ các Khuyến nghị của FATF về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, trong đó có Khuyến nghị 1, Khuyến nghị 2 và Khuyến nghị đặc biệt II nêu trên liên quan đến hình sự hóa các hành vi rửa tiền và tài trợ khủng bố.

⁴ Ngày 04/5/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 34 của APG

III. QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ NĂM 2015 (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NĂM 2017) LIÊN QUAN ĐẾN TỘI RỬA TIỀN VÀ TỘI TÀI TRỢ KHỦNG BỐ

Để tạo điều kiện thuận lợi và góp phần nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền và tài trợ khủng bố thì sự tương thích của pháp luật quốc gia với pháp luật quốc tế là yếu tố hết sức quan trọng. Chính vì vậy, một trong những quan điểm chỉ đạo sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) (*sau đây gọi chung là BLHS năm 1999*) là "*Nội luật hóa các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên liên quan đến phòng, chống tội phạm, đặc biệt là Công ước chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia; Công ước chống tham nhũng; Nghị định thư về phòng ngừa, trừng trị, trấn áp tội buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em; Công ước chống tra tấn và trừng phạt hoặc đối xử tàn nhẫn, vô nhân đạo làm mất phẩm giá khác; Công ước chống bắt cóc con tin năm 1979; Công ước Luật biển năm 1982; các khuyến nghị của FATF*"⁵ nhằm góp phần tăng cường hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Để thực hiện quan điểm chỉ đạo này, ngoài một số nội dung sửa đổi, bổ sung liên quan đến Phần những quy định chung của BLHS năm 1999 (ví dụ như các chế định: chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, đồng phạm, trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, ...) thì một loạt các tội danh cụ thể đã được sửa đổi, bổ sung hoặc bổ sung mới vào BLHS, trong đó có việc sửa đổi, bổ sung tội rửa tiền và tội tài trợ khủng bố nhằm đáp ứng các yêu cầu của Khuyến nghị 1, Khuyến nghị 2 về chống rửa tiền và Khuyến nghị đặc biệt II về chống tài trợ khủng bố của FATF. Cụ thể:

1. Về tội rửa tiền

Điều 324 của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (*sau đây gọi chung là BLHS năm 2015*) quy định về tội rửa tiền. Về cơ bản Điều luật này đã kế thừa quy định về tội rửa tiền tại Điều 251 của BLHS năm 1999 nhưng có một số nội dung sửa đổi, bổ sung mới nhằm bảo đảm tính rõ ràng, minh bạch và thể hiện chính sách xử lý nghiêm hơn đối với tội rửa tiền. Cụ thể:

BLHS NĂM 1999 (SỬA ĐỔI BỔ SUNG NĂM 2009)	BLHS NĂM 2015 (SỬA ĐỔI BỔ SUNG NĂM 2017)
Điều 251. Tội rửa tiền 1. Người nào thực hiện một trong các	Điều 324. Tội rửa tiền 1. Người nào thực hiện một trong các

⁵ Tờ trình số 186/TTr-CP ngày 27/4/2015 của Chính phủ về dự án BLHS (sửa đổi)

hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm: a) Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác liên quan đến tiền, tài sản <u>biết rõ là do phạm tội mà có</u> nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản đó; b) Sử dụng tiền, tài sản <u>biết rõ là do phạm tội mà có</u> vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác; c) Che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản <u>biết rõ là do phạm tội mà có</u> hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó; d) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này đối với tiền, tài sản <u>biết rõ là có</u> được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản <u>do phạm tội mà có</u>. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ <u>ba năm</u> đến mười năm: a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Phạm tội <u>nhiều lần</u>;	hành vi sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm: a) Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản <i>do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có</i>; b) Sử dụng tiền, tài sản <i>do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết</i> là do <i>người khác thực hiện hành vi</i> phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác; c) Che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản <i>do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác</i> phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó; d) Thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này đối với tiền, tài sản <u>biết rõ là có</u> được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản <i>do người khác thực hiện hành vi</i> phạm tội mà có. 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ <i>05</i> năm đến 10 năm: a) Có tổ chức; b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn; c) Phạm tội <i>02 lần trở lên</i>;
---	---

d) Có tính chất chuyên nghiệp; đ) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt; e) Tiền, tài sản phạm tội <u>có giá trị lớn</u>; g) Thu lợi bất chính <u>lớn</u>; h) <u>Gây hậu quả nghiêm trọng</u>; i) Tái phạm nguy hiểm. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ <u>tám năm đến mười lăm năm</u>: a) Tiền, tài sản phạm tội <u>có giá trị rất lớn hoặc đặc biệt lớn</u>; b) Thu lợi bất chính <u>rất lớn hoặc đặc biệt lớn</u>; c) <u>Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng</u>. 4. Người phạm tội còn có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt tiền <u>đến ba lần số tiền hoặc giá trị tài sản phạm tội</u>, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm.	d) Có tính chất chuyên nghiệp; đ) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt; e) Tiền, tài sản phạm tội trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng; g) Thu lợi bất chính từ 50.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng; h) Tái phạm nguy hiểm. 3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 10 năm đến 15 năm: a) Tiền, tài sản phạm tội trị giá 500.000.000 đồng trở lên; b) Thu lợi bất chính 100.000.000 đồng trở lên; c) Gây ảnh hưởng xấu đến an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ quốc gia. 4. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. 5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. <u>6. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau:</u> <u>a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng;</u> <u>b) Phạm tội thuộc một trong các</u>
--	---

	<u>trường hợp quy định tại các điểm a, c, d, đ, e, g và h khoản 2 Điều này, thì bị phạt tiền từ 5.000.000.000 đồng đến 10.000.000.000 đồng;</u> <u>c) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, thì bị phạt tiền từ 10.000.000.000 đồng đến 20.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;</u> <u>d) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn;</u> <u>đ) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.</u>
--	--

Nghiên cứu các quy định trên đây chúng ta thấy rằng:

Thứ nhất, về hành vi cấu thành cơ bản của tội rửa tiền

- Điều 324 của BLHS năm 2015 tiếp tục ghi nhận 04 loại hành vi cấu thành cơ bản của tội rửa tiền đã được quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS năm 1999. Đó là:

+ Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có;

+ Sử dụng tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác;

+ Che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó;

+ Thực hiện một trong ba loại hành vi nêu trên đối với tiền, tài sản biết rõ là có được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản do phạm tội mà có.

Tuy nhiên, Điều 324 cũng đã cụ thể hóa dấu hiệu “biết rõ tiền, tài sản do phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*) bằng dấu hiệu “*tiền, tài sản do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có*”. Quy định này phản ánh rõ hai hình thức rửa tiền là “tự rửa tiền” (tức là người phạm tội nguồn thực hiện hành vi rửa tiền đối với tiền, tài sản do phạm tội nguồn mang lại) và “rửa tiền” đối với tiền, tài sản do người khác phạm tội mà có.

Như vậy, có thể thấy các hành vi rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 324 trên đây đã bao quát hành vi phạm tội rửa tiền thuộc nhóm 01 và nhóm 02 theo yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF.

- Ngoài các hành vi nêu trên, tại Phần Những quy định chung của BLHS năm 2015 có quy định về các chế định chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và đồng phạm. Các quy định này cũng đã bao quát hành vi phạm tội rửa tiền thuộc nhóm 04 được nêu tại Khuyến nghị 1 của FATF như: tham gia, phối hợp hay thông đồng thực hiện tội phạm; phạm tội chưa đạt; hỗ trợ, xúi giục, tạo điều kiện và hướng dẫn thực hiện hành vi phạm tội rửa tiền, Cụ thể:

+ Điều 14 quy định chuẩn bị phạm tội là tìm kiếm, sửa soạn công cụ, phương tiện hoặc tạo ra những điều kiện khác để thực hiện tội phạm hoặc thành lập, tham gia nhóm tội phạm. Người chuẩn bị phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi chuẩn bị phạm **25/314** tội danh⁶ được quy định trong BLHS năm 2015 (*chiếm tỷ lệ 7,96%*) thuộc 05 nhóm tội phạm, trong đó có tội rửa tiền. Đồng thời, khoản 2 Điều 57 của BLHS năm 2015 cũng quy định “*Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, hình phạt được quyết định trong phạm vi khung hình phạt được quy định trong các điều luật cụ thể*”. Trên tinh thần đó, tại các điều luật quy định về 25 tội danh này đều có một khoản riêng quy định về việc xử lý đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội. Vì vậy, Điều 324 của BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm một khoản (khoản 4) quy định về việc xử lý đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội rửa tiền.

+ Điều 15 quy định về phạm tội chưa đạt, theo đó, phạm tội chưa đạt là trường hợp cố ý thực hiện tội phạm nhưng không thực hiện được đến cùng vì những nguyên nhân ngoài ý muốn của người phạm tội. Người phạm tội chưa đạt phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm chưa đạt.

+ Điều 17 quy định đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm. Phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có

⁶ Theo khoản 2 Điều 14 của BLHS năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2017*) thì đó là các tội danh quy định tại các điều 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 118, 119, 120, 121, 123, 134, 168, 169, 207, 299, 300, 301, 302, 303 và 324 của BLHS.

sự câu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Người đồng phạm bao gồm người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức. Theo quy định tại Điều 58 của BLHS năm 2015 thì *"Khi quyết định hình phạt đối với những người đồng phạm, Tòa án phải xét đến tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội của từng người đồng phạm"*.

Từ sự phân tích trên có thể thấy rằng, quy định tại khoản 1 Điều 324 về các hành vi phạm tội rửa tiền và quy định tại các Điều 14, 15 và 17 của BLHS năm 2015 về các chế định chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, đồng phạm đã bao quát được 03/04 nhóm hành vi rửa tiền (các nhóm 1, 2 và 4) theo yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF như đã trình bày ở trên. Còn đối với các hành vi thuộc nhóm 03 gồm *"có được, sở hữu hoặc sử dụng tài sản mà vào thời điểm nhận nó, biết rằng tài sản này là do phạm tội mà có"* thì các quy định này chưa bao quát được.

Tuy nhiên, BLHS năm 2015 (Điều 323) có quy định tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có để xử lý hình sự đối với hành vi *"không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có"*. Về bản chất, đây là một dạng hành vi phạm tội rửa tiền thuộc nhóm 03 nêu trên nhưng được quy định trong tội danh riêng với chính sách xử lý cũng nghiêm khắc như đối với tội rửa tiền quy định tại Điều 324 của BLHS năm 2015.

Như vậy, quy định tại khoản 1 Điều 324 cùng với quy định tại khoản 1 Điều 323 và các chế định chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, đồng phạm quy định tại các Điều 14, 15 và 17 của BLHS năm 2015 đã bao quát được 04 nhóm hành vi phạm tội rửa tiền theo yêu cầu của Khuyến nghị 1 của FATF.

Thứ hai, về các trường hợp tăng nặng của tội rửa tiền

Khoản 2 và khoản 3 Điều 324 của BLHS năm 2015 quy định cụ thể các trường hợp tăng nặng của tội rửa tiền, theo đó:

- Khoản 2 đã loại bỏ tình tiết: *"Gây hậu quả nghiêm trọng"* tại điểm h khoản 2 Điều 251 của BLHS năm 1999, đồng thời, tiếp tục kế thừa 08 tình tiết tăng nặng còn lại được quy định tại khoản này, nhưng đã cụ thể hóa một số tình tiết mang tính định tính để bảo đảm tính rõ ràng, thuận lợi cho việc áp dụng trong thực tiễn. Cụ thể:

+ Tình tiết: "Phạm tội nhiều lần" được lượng hóa thành: *"Phạm tội 2 lần trở lên"*;

+ Tình tiết: "Tiền, tài sản phạm tội có giá trị lớn" được lượng hóa thành: *"Tiền, tài sản phạm tội có giá trị từ 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng"*;

+ Tình tiết: "Thu lợi bất chính lớn" được lượng hóa thành: "*Thu lợi bất chính từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng*".

- Khoản 3 tiếp tục kế thừa 03 tình tiết tăng nặng đặc biệt quy định tại khoản 3 Điều 251 của BLHS năm 1999, nhưng đã cụ thể hóa các tình tiết này để bảo đảm tính rõ ràng, thuận lợi cho việc áp dụng trong thực tiễn. Cụ thể:

+ Tình tiết: "Tiền, tài sản phạm tội có giá trị rất lớn hoặc đặc biệt lớn" được lượng hóa thành: "*Tiền, tài sản phạm tội có giá trị 500 triệu đồng trở lên*";

+ Tình tiết: "Thu lợi bất chính rất lớn hoặc đặc biệt lớn" được lượng hóa thành: "*Thu lợi bất chính 100 triệu đồng trở lên*".

+ Tình tiết: "Gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng" được cụ thể hóa bằng tình tiết: "*Gây ảnh hưởng xấu đến an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ quốc gia*".

Thứ ba, về chế tài xử lý đối với tội rửa tiền

Như chúng ta đều biết, theo quy định của BLHS năm 1999 thì chỉ có cá nhân mới phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rửa tiền. Tuy nhiên, cùng với việc bổ sung chế định trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại vào BLHS năm 2015, trong lần sửa đổi, bổ sung BLHS vào năm 2017, Quốc hội đã quyết định bổ sung quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với tội rửa tiền. Đây là một điểm rất mới thể hiện sự quyết tâm của Đảng và Nhà nước trong đấu tranh phòng, chống rửa tiền và đáp ứng yêu cầu của Khuyến nghị 2 về phòng, chống rửa tiền của FATF. Như vậy, theo quy định tại Điều 324 của BLHS năm 2015 thì cả cá nhân lẫn pháp nhân thương mại đều phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rửa tiền.

Một là, chế tài xử lý đối với cá nhân phạm tội rửa tiền được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 324 của BLHS năm 2015. Cụ thể:

- Khoản 1 kế thừa và giữ nguyên mức chế tài quy định tại khoản 1 Điều 251 của BLHS năm 1999, đó là phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

- Khoản 2 và khoản 3 tiếp tục kế thừa và giữ nguyên mức phạt tù tối đa đối với các trường hợp tăng nặng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 251 của BLHS năm 1999 nhưng điều chỉnh nâng mức phạt tù tối thiểu quy định tại hai khoản này nhằm thể hiện chính sách xử lý nghiêm hơn đối với các trường hợp tăng nặng, theo đó:

+ Mức phạt tù tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều 251 của BLHS năm 1999 được nâng từ 03 năm lên thành 05 năm;

+ Mức phạt tù tối thiểu quy định tại khoản 3 Điều 251 của BLHS năm

1999 được nâng từ 08 năm lên thành 10 năm.

- Khoản 4 quy định chế tài đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội rửa tiền, theo đó, mức phạt đối với trường hợp này là tù từ 06 tháng đến 03 năm.

- Khoản 5 quy định về hình phạt bổ sung theo hướng tiếp tục kế thừa các hình phạt bổ sung đã được quy định tại khoản 4 Điều 251 của BLHS năm 1999 (*phạt tiền; cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*), nhưng riêng mức phạt tiền bổ sung "đến ba lần số tiền hoặc giá trị tài sản phạm tội" quy định tại khoản 4 Điều 251 của BLHS năm 1999 đã được thay bằng mức phạt tiền bổ sung: "*từ 20 triệu đồng đến 100 triệu đồng*".

- Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 57 của BLHS năm 2015 thì đối với trường hợp phạm tội chưa đạt, nếu hình phạt là tù có thời hạn thì mức phạt tối đa không quá 3/4 mức phạt tù được quy định trong điều luật. Đối chiếu với trường hợp phạm tội rửa tiền chưa đạt thì thấy rằng, mức phạt tối đa không được quá 03 năm 09 tháng (đối với khoản 1); 07 năm 06 tháng (đối với khoản 2) và 11 năm 03 tháng (đối với khoản 3).

Hai là, chế tài xử lý đối với pháp nhân thương mại phạm tội rửa tiền được quy định tại khoản 6 Điều 324 của BLHS năm 2015.

- Theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 6 Điều 324 thì tùy từng trường hợp phạm tội rửa tiền cụ thể mà pháp nhân thương mại bị phạt tiền hoặc bị đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Cụ thể như sau:

- + Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 324 thì pháp nhân thương mại bị phạt tiền từ 01 triệu đồng đến 05 triệu đồng;

- + Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 324 (*loại trừ tình tiết Lợi dụng chức vụ, quyền hạn*) thì pháp nhân thương mại bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 10 triệu đồng;

- + Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 324 thì pháp nhân thương mại bị phạt tiền từ 10 triệu đồng đến 20 triệu đồng hoặc bị đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 01 năm đến 03 năm;

- + Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 thì pháp nhân thương mại bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn (*tức là bị chấm dứt hoạt động trong một hoặc một số lĩnh vực nhất định hoặc bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động*).

- Qua nghiên cứu quy định tại Điều 79 của BLHS năm 2015 về các trường hợp áp dụng hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn đối với pháp nhân thương mại phạm tội thì thấy rằng:

+ Pháp nhân thương mại phạm tội bị chấm dứt hoạt động trong một hoặc một số lĩnh vực mà pháp nhân đó gây thiệt hại hoặc có khả năng thực tế gây thiệt hại đến tính mạng của nhiều người, gây sự cố môi trường hoặc gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra;

+ Pháp nhân thương mại phạm tội bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động, nếu pháp nhân đó được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm.

Từ nội dung quy định trên, đối chiếu với trường hợp phạm tội rửa tiền thì thấy rằng, hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn được áp dụng đối với pháp nhân thương mại phạm tội trong những trường hợp sau đây:

+ Pháp nhân thương mại phạm tội rửa tiền bị *chấm dứt hoạt động trong một hoặc một số lĩnh vực nhất định* mà pháp nhân đó gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra. Lĩnh vực cụ thể mà pháp nhân thương mại bị chấm dứt hoạt động sẽ do Tòa án quyết định trong từng trường hợp cụ thể và được tuyên trong bản án.

+ Pháp nhân thương mại phạm tội rửa tiền bị *đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động* trong trường hợp pháp nhân đó được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm, không kể là tội phạm nào.

- Theo quy định tại điểm đ khoản 6 Điều 324 thì ngoài các hình phạt chính nêu trên, pháp nhân thương mại phạm tội còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung sau: (1) phạt tiền từ 01 triệu đồng đến 5 triệu đồng; (2) cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm; (3) cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.

2. Về tội tài trợ khủng bố

Điều 300 của BLHS năm 2015 quy định về tội tài trợ khủng bố. Điều luật này đã kế thừa toàn bộ quy định về tội tài trợ khủng bố tại Điều 230b của BLHS năm 1999, đồng thời, bổ sung một số nội dung mới nhằm đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống loại tội phạm này. Cụ thể:

BLHS NĂM 1999 (SỬA ĐỔI BỔ SUNG NĂM 2009)	BLHS NĂM 2015 (SỬA ĐỔI BỔ SUNG NĂM 2017)
Điều 230b. Tội tài trợ khủng bố 1. Người nào huy động, hỗ trợ tiền, tài sản dưới bất kỳ hình thức nào cho tổ chức, cá nhân khủng bố, thì bị phạt tù từ năm năm đến mười năm.	Điều 300. Tội tài trợ khủng bố 1. Người nào huy động, hỗ trợ tiền, tài sản dưới bất kỳ hình thức nào cho tổ chức, cá nhân khủng bố, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm.

2. Người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế, cấm cư trú từ một năm đến năm năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.	2. Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. 3. Người phạm tội còn có thể bị phạt quản chế, cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. 4. Pháp nhân thương mại phạm tội quy định tại Điều này, thì bị phạt như sau: a) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thì bị phạt tiền từ 7.000.000.000 đồng đến 15.000.000.000 đồng hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm; b) Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 của Bộ luật này, thì bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn; c) Pháp nhân thương mại còn có thể bị phạt tiền từ 1.000.000.000 đồng đến 5.000.000.000 đồng, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định hoặc cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm.
--	---

Nghiên cứu quy định trên đây chúng ta thấy rằng:

Thứ nhất, về hành vi cấu thành cơ bản của tội tài trợ khủng bố

Điều 300 của BLHS năm 2015 tiếp tục ghi nhận 02 loại hành vi cấu thành cơ bản của tội tài trợ khủng bố được quy định tại khoản 1 Điều 230b của BLHS năm 1999. Đó là: huy động hoặc hỗ trợ tiền, tài sản dưới bất kỳ hình thức nào (*không kể là trực tiếp hay gián tiếp; lấy từ nguồn hợp pháp hay từ nguồn bất hợp pháp*) cho tổ chức, cá nhân khủng bố. Quy định này đáp ứng yêu cầu Khuyến nghị đặc biệt II về chống tài trợ khủng bố của FATF.

Riêng đối với trường hợp huy động hoặc hỗ trợ tiền, tài sản cho việc thực hiện các hành vi khủng bố cụ thể thì theo quy định của BLHS Việt Nam nó không thuộc nội hàm của tội tài trợ khủng bố như Khuyến nghị đặc biệt II của FATF mà sẽ bị coi là hành vi đồng phạm với tội khủng bố và sẽ bị xử lý

ngghiêm khắc theo tội danh này.

Ngoài những hành vi nêu trên, các quy định của BLHS năm 2015 về chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và đồng phạm tại Phần Những quy định chung cũng liên quan đến hành vi phạm tội tài trợ khủng bố. Cụ thể:

- Theo Điều 14 của BLHS năm 2015 thì người chuẩn bị phạm tội tài trợ khủng bố (Điều 300 BLHS năm 2015) phải chịu trách nhiệm hình sự. Đồng thời, khoản 2 Điều 57 của BLHS năm 2015 quy định *"Đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội, hình phạt được quyết định trong phạm vi khung hình phạt được quy định trong các điều luật cụ thể"*. Trên tinh thần đó, Điều 300 của BLHS năm 2015 đã bổ sung một khoản (khoản 2) quy định về việc xử lý đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội tài trợ khủng bố.

- Tương tự như đối với tội phạm rửa tiền, các quy định của BLHS năm 2015 về phạm tội chưa đạt (Điều 15) và đồng phạm (Điều 17) cũng áp dụng đối với trường hợp phạm tội tài trợ khủng bố.

Như vậy, có thể thấy quy định tại khoản 1 Điều 300 cùng với các chế định chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt và đồng phạm quy định tại các Điều 14, 15 và 17 của BLHS năm 2015 đã bao quát các hành vi phạm tội tài trợ khủng bố theo yêu cầu của Khuyến nghị đặc biệt II của FATF.

Thứ hai, về chế tài xử lý đối với tội tài trợ khủng bố

Như chúng ta đều biết, cùng với việc bổ sung quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với tội rửa tiền, trong lần sửa đổi, bổ sung BLHS vào năm 2017, Quốc hội cũng đã quyết định bổ sung quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại đối với tội tài trợ khủng bố. Như vậy, theo quy định tại Điều 300 của BLHS năm 2015 thì cả cá nhân lẫn pháp nhân thương mại đều phải chịu trách nhiệm hình sự về tội tài trợ khủng bố.

Một là, chế tài xử lý đối với cá nhân phạm tội tài trợ khủng bố được quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 300 của BLHS năm 2015. Cụ thể:

- Khoản 1 và khoản 3 tiếp tục kế thừa các chế tài xử lý đối với tội tài trợ khủng bố quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 230b của BLHS năm 1999, theo đó, người phạm tội này bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Ngoài ra, người phạm tội còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung sau: quản chế từ 01 năm đến 05 năm; cấm cư trú từ 01 năm đến 05 năm; tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

- Khoản 2 quy định chế tài đối với trường hợp chuẩn bị phạm tội tài trợ khủng bố, theo đó, mức phạt đối với trường hợp này là tù từ 01 năm đến 05 năm.

- Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 57 của BLHS năm 2015 về quyết định hình phạt trong trường hợp phạm tội chưa đạt thì đối chiếu với trường hợp phạm tội tài trợ khủng bố chưa đạt, mức phạt tối đa không được quá 07 năm 06 tháng (tức là 3/4).

Hai là, chế tài xử lý đối với pháp nhân thương mại phạm tội tài trợ khủng bố được quy định tại khoản 4 Điều 300 của BLHS năm 2015.

- Theo quy định tại các điểm a và b khoản 4 Điều 300 thì tùy từng trường hợp phạm tội cụ thể mà pháp nhân thương mại bị phạt tiền hoặc bị đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn. Cụ thể như sau:

+ Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 300 thì pháp nhân thương mại bị phạt tiền từ 7 triệu đồng đến 15 triệu đồng hoặc bị đình chỉ hoạt động có thời hạn từ 06 tháng đến 03 năm;

+ Phạm tội thuộc trường hợp quy định tại Điều 79 thì pháp nhân thương mại bị đình chỉ hoạt động vĩnh viễn.

Theo nội dung quy định tại Điều 79 của BLHS năm 2015, đối chiếu với trường hợp phạm tội tài trợ khủng bố, thì thấy rằng, hình phạt đình chỉ hoạt động vĩnh viễn được áp dụng trong những trường hợp sau đây:

Một là, pháp nhân thương mại phạm tội tài trợ khủng bố bị chấm dứt hoạt động trong một hoặc một số lĩnh vực nhất định mà pháp nhân đó gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội và không có khả năng khắc phục hậu quả gây ra;

Hai là, pháp nhân thương mại phạm tội tài trợ khủng bố bị đình chỉ vĩnh viễn toàn bộ hoạt động trong trường hợp pháp nhân đó được thành lập chỉ để thực hiện tội phạm, không kể là tội phạm nào.

- Theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 300 thì ngoài các hình phạt chính nêu trên, pháp nhân thương mại còn có thể bị áp dụng một hoặc một số hình phạt bổ sung sau: (1) phạt tiền từ 01 triệu đồng đến 5 triệu đồng; (2) cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định từ 01 năm đến 03 năm; (3) cấm huy động vốn từ 01 năm đến 03 năm./.